

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động quản lý hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Xét đề nghị của Thường trực Ban chỉ đạo ISO của Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tài liệu và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (*Danh mục đính kèm*).

Điều 2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan có trách nhiệm phổ biến đến công chức, người lao động và triển khai trong đơn vị mình, đảm bảo tuân thủ áp dụng theo các tài liệu Hệ thống đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 92/QĐ-SKHĐT ngày 20/10/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, các thành viên Ban Chỉ đạo ISO, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công chức, người lao động liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Sở KH&CN (b/c);
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Đã ký

Nguyễn Hữu Chiến

DANH MỤC TÀI LIỆU

**Thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015
vào hoạt động quản lý hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư
(Kèm theo Quyết định số: 128 /QĐ-SKHĐT ngày 01/10/2018 của
Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư)**

STT	Tên tài liệu/Quy trình	Ký hiệu/ Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành	Lần sửa đổi	Chủ trì xây dựng
I	Tài liệu/Quy trình bắt buộc theo tiêu chuẩn					
1	Chính sách chất lượng	CSCL				Thư ký Ban ISO
2	Mục tiêu chất lượng của Sở	MTCL				
3	Kiểm soát tài liệu	QT.01	01			
4	Kiểm soát hồ sơ	QT.02	01			
5	Kiểm soát và xử lý sự không phù hợp	QT.03	01			
6	Hành động khắc phục	QT.04	01			
7	Hành động phòng ngừa	QT.05	01			
8	Đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo	QT.06	01			
II	Quy trình tác nghiệp					
9	Quản lý văn bản đi	QT.07	01			Văn phòng
10	Quản lý văn bản đến	QT.08	01			
11	Khen thưởng	QT.09	01			
12	Tiếp công dân	QT.10	01			Thanh tra sở
13	Giải quyết khiếu nại – tố cáo	QT.11	01			
14	Xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh	QT.12	01			
15	Thanh tra tổ chức theo đoàn	QT.13	01			
III	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký doanh, Liên hiệp HTX					
16	Đăng ký thành lập doanh nghiệp; Chi nhánh; Văn phòng đại diện; Địa điểm kinh doanh.	QT.14	01			Phòng Đăng ký kinh doanh

STT	Tên tài liệu/Quy trình	Ký hiệu/ Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành	Lần sửa đổi	Chủ trì xây dựng
17	Đăng ký thay đổi nội dung doanh nghiệp	QT.15	01			
18	Giải thể doanh nghiệp	QT.16	01			
19	Đăng ký thành lập, thay đổi, cấp lại, giải thể Liên hiệp Hợp tác xã	QT.17	01			
20	Đăng ký doanh nghiệp xã hội	QT.18	01			
IV	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đầu tư vào Việt Nam					
21	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.19	01			Phòng Doanh nghiệp, Kinh tế tập thể và tư nhân
22	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.20	01			
23	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.21	01			
24	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.22	01			
25	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	QT.23	01			
26	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	QT.24	01			
27	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.25	01			
28	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	QT. 26	01			
29	Điều chỉnh Giấy chứng nhận	QT. 27	01			

STT	Tên tài liệu/Quy trình	Ký hiệu/ Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành	Lần sửa đổi	Chủ trì xây dựng
	đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh					
30	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	QT. 28	01			
31	Chuyển nhượng dự án đầu tư	QT. 29	01			
32	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	QT.30	01			
33	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	QT. 31	01			
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT. 32	01			
35	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT. 33	01			
36	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT. 34	01			
37	Giãn tiến độ đầu tư	QT. 35	01			
38	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	QT. 36	01			
39	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	QT. 37	01			
40	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT. 38	01			
41	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.39	01			
42	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	QT.40	01			Phòng Kinh tế đối ngoại
43	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	QT.41	01			
44	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	QT.42	01			

STT	Tên tài liệu/Quy trình	Ký hiệu/ Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành	Lần sửa đổi	Chủ trì xây dựng
45	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	QT.43	01			
46	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	QT.44	01			
V	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp nông thôn					
47	Hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ	QT.45	01			Phòng Doanh nghiệp
VI	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và viện trợ phi chính phủ nước ngoài					
48	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	QT.46	01			Phòng Kinh tế đối ngoại
49	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	QT.47	01			
50	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	QT.48	01			
51	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	QT.49	01			
VIII	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)					
52	Đề xuất và lựa chọn đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	QT.50	01			Phòng Kinh tế đối ngoại
53	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.51	01			
54	Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.52	01			

STT	Tên tài liệu/Quy trình	Ký hiệu/ Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành	Lần sửa đổi	Chủ trì xây dựng
55	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.53	01			
56	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	QT.54	01			
57	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án	QT.55	01			
58	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	QT.56	01			
59	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	QT.57	01			
60	Xác nhận chuyên gia	QT.58	01			
IX	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đấu thầu					
61	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT. 59	01			Phòng Kinh tế ngành
62	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	QT. 60	01			